

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ

BÁO CÁO KINH DOANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 03/03/2016

Đã ký

Chức vụ



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

Ninh Thuận - Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

116
TƯ
TỔ
ET
HẢI
HÌNH
VH

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải (gọi tắt là “ Công ty”) chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên từ ngày 01 tháng 10 năm 2010, trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải - Công ty Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Theo Quyết định số 715/QĐ - ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải.

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500139769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30 tháng 09 năm 2010.

Vốn kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty trước khi chuyển sang Công ty cổ phần là 12.773.765.767 VND (Mười hai tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi năm ngàn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Chủ sở hữu là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: THUAN HAI RAIL WAY MANAGEMENT COMPANY LIMITED, tên viết tắt là THAR., LTD

Trụ sở chính tại Số 15 đường Minh Mạng, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Công Đông

Chủ tịch

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Công Đông

Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/12/2015

Ông Lê Văn Hiệu

Giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/12/2015

Ông Hà Mạnh Cường

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cung

Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4500139769. Vốn điều lệ là 16.888.600.000 VND (Mười sáu tỷ tám trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ yếu tố đã được nêu ở trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016, (giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải đã được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải, do đó Báo cáo tài chính kèm theo được ký bởi Chủ tịch và Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải (đơn vị sẽ chuyển các quyền lợi và nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải). Đồng thời sử dụng con dấu của Công ty Cổ phần để đóng dấu Báo cáo Kiểm toán này do con dấu của Công ty TNHH MTV đã được thu hồi theo quy định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Đông
Chủ tịch

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: 109/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Thuận Hải, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 14/01/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 14 tháng 01 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 02 năm 2015 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần và có đoạn nhấn mạnh về tài sản cố định vô hình và phân phối Lợi nhuận năm 2013 và năm 2014.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đã tạm thực hiện phân phối toàn bộ Lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho Quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng chưa có sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Việc phân phối này có thể sẽ thay đổi sau khi có sự phê duyệt của Chủ sở hữu



Nguyễn Tiến Trình

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Minh Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 14 tháng 01 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	14/01/2016	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		51.553.858.201	34.357.081.045
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.959.385.424	5.274.128.047
1. Tiền	111		12.959.385.424	2.274.128.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.362.801.518	21.583.746.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.735.360.987	21.217.321.703
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.164.500	136.692.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	580.276.031	229.733.120
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	28.231.671.259	7.483.363.822
1. Hàng tồn kho	141		28.231.671.259	7.483.363.822
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	15.842.353
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	-	15.842.353
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		14.422.925.228	145.943.372.961
I Các khoản phải thu dài hạn	210		27.500.000	27.500.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	27.500.000	27.500.000
II Tài sản cố định	220		11.854.055.550	145.715.872.961
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	11.854.055.550	125.408.773.109
- Nguyên giá	222		19.709.985.750	338.762.871.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.855.930.200)	(213.354.098.061)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	20.307.099.852
- Nguyên giá	228		-	20.307.099.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	200.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.541.369.678	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	2.541.369.678	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		65.976.783.429	180.300.454.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 14 tháng 01 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	14/01/2016	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.088.183.429	43.429.113.867
I- Nợ ngắn hạn	310		34.455.227.953	32.059.140.527
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	8.133.059.329	4.513.615.169
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.770.367.500	2.684.262.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	1.977.636.194	2.990.433.375
4. Phải trả người lao động	314		5.190.130.709	8.821.689.697
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	10.047.507.483	8.321.475.573
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	5.400.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.936.526.738	4.727.664.213
II- Nợ dài hạn	330		14.632.955.476	11.369.973.340
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.10	14.632.955.476	11.369.973.340
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		16.888.600.000	136.871.340.139
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	16.888.600.000	13.511.301.533
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.888.600.000	12.773.765.767
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	289.485.324
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	448.050.442
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	123.360.038.606
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	123.360.038.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		65.976.783.429	180.300.454.006

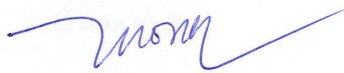
Ninh Thuận, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



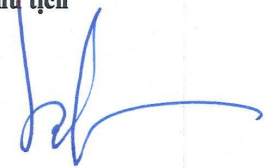
Ngô Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Tường

Chủ tịch



Nguyễn Công Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

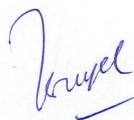
CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày	Năm 2014
			01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	78.390.343.029	87.158.916.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	105.813.558
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	78.390.343.029	87.053.102.505
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	65.770.773.760	75.243.318.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.619.569.269	11.809.783.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	441.172.889	531.284.686
7. Chi phí tài chính	22	5.16	12.527.778	2.750.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.527.778	2.750.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	10.476.977.195	8.501.364.107
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.571.237.185	3.836.954.086
11. Thu nhập khác	31	5.18	1.401.988.176	2.669.276.698
12. Chi phí khác	32	5.18	1.287.745.117	2.583.544.753
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		114.243.059	85.731.945
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.685.480.244	3.922.686.031
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	595.699.261	908.972.819
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.089.780.983	3.013.713.212

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch





Ngô Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hữu Tường

Nguyễn Công Đông

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	95.242.713.261	84.474.452.351
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(37.074.694.946)	(30.784.075.381)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.130.502.085)	(32.947.031.458)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(12.527.778)	(93.074.004)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(780.664.499)	(1.228.240.275)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.388.474.306	217.607.164
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.988.713.771)	(18.825.054.058)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	1.644.084.488	814.584.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(3.696.967.618)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51.000.000.000)	(4.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.000.000.000	4.600.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	441.172.889	531.284.686
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	641.172.889	(3.165.682.932)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.400.000.000	1.100.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.000.000.000)	(1.100.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	5.400.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	7.685.257.377	(2.351.098.593)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.274.128.047	7.625.226.640
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	12.959.385.424	5.274.128.047

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Ngô Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Tường

Chủ tịch

Nguyễn Công Đông

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải (gọi tắt là “ Công ty”) chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên từ ngày 01 tháng 10 năm 2010, trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải - Công ty Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Theo Quyết định số 715/QĐ - ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Thuận Hải.

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500139769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30 tháng 09 năm 2010.

Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4500139769. Vốn điều lệ là 16.888.600.000 VND (Mười sáu tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: THUAN HAI RAIL WAY MANAGEMENT COMPNAY LIMITED, tên viết tắt là THAR., LTD

Trụ sở chính tại Số 15 đường Minh Mạng, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 14 tháng 01 năm 2016 là 401 người (Tại ngày 31/12/2014 là 427 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Khai thác đá, cát, đất sét (Chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cầu kiện kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu chuyên ngành;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động chuyên dụng xây dựng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Đấu giá; Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu ích khác;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Hoạt động quản lý dịch vụ công ích và xây dựng liên quan đến ngành đường sắt.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT/BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty TNHH MTV từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình thuộc nhóm I - Cơ sở hạ tầng đường sắt được trích hao mòn ghi giảm nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%/năm
- Các kiến trúc khác: cầu, cống, kè, đường ngang	5%/năm

Tài sản cố định hữu hình thuộc nhóm II - Tài sản thuộc vốn kinh doanh của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Công ty ghi nhận theo Quyết định số 101/HĐBT ngày 01/8/1989 về việc đánh giá lại tài sản và công ty đã ghi nhận giá trị này trên báo cáo tài chính và báo cáo kiểm kê tại thời điểm 01/01/1991. Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 20.307.099.852 VND là giá trị nền đường sắt và không thực hiện việc trích khấu hao. Tài sản này Công ty đã thực hiện bàn giao cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo quyết định số 2799/QĐ-ĐS ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm. Riêng lợi thế kinh doanh thương mại phát sinh trong quá trình cổ phần hóa được phân bổ không quá 10 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	14/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	153.498.088	67.428.650
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	12.805.887.336	2.206.699.397
Tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	12.959.385.424	5.274.128.047

(*) Trong đó có 3.621.600.000 đồng là tiền thu từ việc bán cổ phần và 501.500 đồng là tiền lãi phát sinh đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	14/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.735.360.987	21.217.321.703
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.484.379.093	16.082.564.878
Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh	3.216.254.000	3.216.254.000
Các đối tượng còn lại	3.034.727.894	1.918.502.825
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	9.735.360.987	21.217.321.703

5.3 Các khoản phải thu khác

	14/01/2016 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	580.276.031	-	229.733.120	-
Bảo hiểm xã hội	26.766.490	-	43.909.872	-
Tạm ứng	550.077.616	-	153.196.535	-
- Phải thu khác	3.431.925	-	32.626.713	-
b) Dài hạn	27.500.000	-	27.500.000	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	27.500.000	-	27.500.000	-
Cộng	607.776.031	-	257.233.120	-

5.4 Hàng tồn kho

	14/01/2016 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.463.862.372	-	2.780.135.035	-
Công cụ, dụng cụ	109.764.184	-	162.350.943	-
Chi phí SX KDDD	13.658.044.703	-	4.540.877.844	-
Cộng	28.231.671.259	-	7.483.363.822	-

Trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần doanh nghiệp tiếp tục xử lý các tồn tại. Theo đó, Công ty căn cứ vào Quyết định số 2345/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và Quyết định số 2799/QĐ-ĐS ngày 31/12/2015 về việc điều chỉnh tài sản liên quan đến công tác cổ phần hóa để thực hiện điều chỉnh giảm Nguyên liệu, vật liệu với giá trị là 78.969.413 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được biên bản bàn giao giữa Công ty và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

5.5 Chi phí trả trước

	14/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	15.842.353
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	15.842.353
b) Dài hạn	2.541.369.678	-
Đánh giá lại lợi thế kinh doanh khi CPH	2.006.394.366	-
Đánh giá lại chi phí thương hiệu khi CPH	158.092.936	-
Đánh giá lại CDCD đã phân bổ	376.882.376	-
Cộng	2.541.369.678	15.842.353

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2015	303.730.762.479	29.703.802.113	5.070.042.760	89.531.818	168.732.000	338.762.871.170
Tăng trong kỳ	13.972.888.016	-	49.605.000	-	-	14.022.493.016
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.015.946.205	-	-	-	-	11.015.946.205
Đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa	2.956.941.811	-	49.605.000	-	-	3.006.546.811
Giảm trong kỳ	305.467.721.723	27.389.459.808	218.196.905	-	-	333.075.378.436
Bản giao về cho Tổng Công ty	305.456.670.206	27.389.459.808	218.196.905	-	-	333.064.326.919
Giảm khác	11.051.517	-	-	-	-	11.051.517
Số dư tại 14/01/2016	12.235.928.772	2.314.342.305	4.901.450.855	89.531.818	168.732.000	19.709.985.750
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2015	194.720.072.281	14.510.782.963	3.869.704.453	84.806.364	168.732.000	213.354.098.061
Tăng trong kỳ	19.826.786.002	3.033.373.898	274.938.418	4.725.454	-	23.139.823.772
Khấu hao trong kỳ	504.857.141	1.680.449.017	274.938.418	4.725.454	-	2.464.970.030
Đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa	1.218.517.860	-	-	-	-	1.218.517.860
Bản giao về cho Tổng Công ty	18.103.411.001	1.352.924.881	-	-	-	19.456.335.882
Giảm trong năm	211.443.842.393	16.008.571.553	1.117.125.823	26.268.864	42.183.000	228.637.991.633
Bản giao về cho Tổng Công ty	211.443.842.393	14.360.633.720	218.196.905	26.268.864	42.183.000	226.022.673.018
Đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa	-	1.647.937.833	898.928.918	26.268.864	-	2.615.318.615
Số dư tại 14/01/2016	3.103.015.890	1.535.585.308	3.027.517.048	63.262.954	126.549.000	7.855.930.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	109.010.690.198	15.193.019.150	1.200.338.307	4.725.454	-	125.408.773.109
Tại ngày 14/01/2016	9.132.912.882	778.756.997	1.873.933.807	26.268.864	42.183.000	11.854.055.550

Trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần doanh nghiệp tiếp tục xử lý các tồn tại. Theo đó, Công ty căn cứ vào Quyết định số 2345/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và Quyết định số 2799/QĐ-ĐS ngày 31/12/2015 về việc điều chỉnh tài sản liên quan đến công tác cổ phần hóa để thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản có định hữu hình bản giao về Tổng Công ty với giá trị là 333.064.326.919 đồng, Hao mòn lũy kế với giá trị là 226.022.673.018 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được biên bản giao giữa Công ty và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016, Công ty tiếp tục thực hiện khấu hao và đưa vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với giá trị là 149.019.215 đồng, đối với những tài sản cố định được xác định là chờ bản giao về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Việc thực hiện khấu hao này là chưa phù hợp theo quy định về Chế độ Kế toán hiện hành. Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đang có Văn bản gửi Bộ Giao thông Vận tải về việc xử lý tài chính bản giao tài sản tại thời điểm chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị này sẽ được điều chỉnh sau khi có ý kiến chính thức của Bộ Giao thông Vận tải.

10/1/16 18

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Công ty ghi nhận theo Quyết định số 101/HĐBT ngày 01/8/1989 về việc đánh giá lại tài sản và công ty đã ghi nhận giá trị này trên báo cáo tài chính và báo cáo kiểm kê tại thời điểm 01/01/1991. Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 20.307.099.852 VND là giá trị nền đường sắt và không thực hiện việc trích khấu hao.

Trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần doanh nghiệp tiếp tục xử lý các tồn tại. Theo đó, Công ty căn cứ vào Quyết định số 2345/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và Quyết định số 2799/QĐ-ĐS ngày 31/12/2015 về việc điều chỉnh tài sản liên quan đến công tác cổ phần hóa để thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định vô hình bàn giao về Tổng Công ty với giá trị là 20.307.099.852 đồng, Hao mòn lũy kế với giá trị là 0 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được biên bản bàn giao giữa Công ty và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

5.8 Phải trả người bán

	14/01/2016 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	8.133.059.329	8.133.059.329	4.513.615.169	4.513.615.169
Công ty Cổ phần Tổng công ty Đường sắt	1.444.296.000	1.444.296.000	2.220.897.784	2.220.897.784
Xí nghiệp Xây dựng Công trình - Kinh doanh Dịch vụ	2.037.734.713	2.037.734.713	1.603.873.042	1.603.873.042
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt-XN Vật tư tổng hợp Vinh	1.060.060.228	1.060.060.228	348.495.640	348.495.640
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	2.035.454.000	2.035.454.000	-	-
Các đối tượng còn lại	1.555.514.388	1.555.514.388	340.348.703	340.348.703
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.133.059.329	8.133.059.329	4.513.615.169	4.513.615.169

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Biến động khác	14/01/2016 (VND)
Phải nộp	2.990.433.375	4.904.728.745	5.924.871.212	(7.345.286)	1.977.636.194
Thuế GTGT	2.589.577.563	3.448.628.018	5.039.278.183	-	998.927.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp	337.753.210	595.699.261	780.664.499	(7.345.286)	160.133.258
Thuế thu nhập cá nhân	63.102.602	76.613.585	100.000.000	-	39.716.187
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	928.530	928.530	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	782.859.351	4.000.000	-	778.859.351

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Các khoản phải trả khác

	14/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.047.507.483	8.321.475.573
Kinh phí công đoàn	4.419.700	15.484.940
Bảo hiểm xã hội	221.638.478	348.375.368
Phải trả về cổ phần hoá	2.948.007.196	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.873.442.109	7.957.615.265
b) Dài hạn	14.632.955.476	11.369.973.340
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.632.955.476	11.369.973.340
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	24.680.462.959	19.691.448.913
	14/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	21.383.457.499	17.940.662.801
- Dự án máy Pháp	4.310.457.901	5.892.901.866
- Khấu hao cơ bản máy Pháp	1.649.938.925	599.354.402
- Chênh lệch vốn điều lệ	737.535.766	-
- Tiền ray áo	14.632.955.476	11.369.973.340
- Tiền lãi vay dự án máy Pháp	52.569.431	78.433.193
Công ty Vật tư Hành khách Sài Gòn (tiền thuê đất nhà số 1 - QT Đà Lạt)	70.872.961	70.872.961
KCB-Bảo hiểm y tế bắt buộc	-	12.429.342
Thuế thu nhập các nhân	-	22.000.000
Thu hồi vật tư	-	1.251.150.873
Phải trả khác	52.067.125	30.472.628
Cộng	21.506.397.585	19.327.588.605

(*) Trong tổng số phải trả cổ phần hóa có 323.103.340 đồng là phải trả cho lao động dôi dư được tính theo quy định hiện hành khi thực hiện cổ phần hóa.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NINH THUẬN
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	14/01/2016 (VND)		Trong năm		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	5.400.000.000	-	10.400.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Ninh Thuận (*)	5.400.000.000	-	10.400.000.000	5.000.000.000	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	5.400.000.000	-	10.400.000.000	5.000.000.000	-	-

(*) Vay ngắn hạn TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận

Số tiền được vay
 Mục đích vay
 Thời hạn vay
 Lãi suất vay

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/2662635/HĐTD ngày 08 tháng 12 năm 2015: Vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền 12.000.000.000 đồng.
 Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 12 tháng, theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
 Theo từng lần nhận nợ, thể hiện trên kế ước vay nợ
 + Thế chấp, cầm có tài sản thuộc sở hữu của Bên vay và/ hoặc Bên thứ ba và các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa Bên vay/Bên bảo đảm với Ngân hàng có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng hạn mức này.
 + Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác.
 + Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

Hình thức đảm bảo tiền vay

+ Chi tiết về việc cầm có, thế chấp tài sản/ quyền đòi nợ (khoản phải thu), bảo lãnh, giá trị tài sản đảm bảo (TSDB), phương thức sử lý tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay ký giữa Ngân hàng và Bên vay/ Bên bảo đảm.
 5.400.000.000 đồng

Số dư gốc vay tại ngày 14/01/2016

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUAN HAI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	12.773.765.767	292.318.025	-	448.050.442	2.953.290.073	16.467.424.307
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.013.713.212	3.013.713.212
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.013.713.212	3.013.713.212
Giảm trong năm	-	2.832.701	-	-	5.967.003.285	5.969.835.986
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	2.067.303.051	2.067.303.051
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	3.013.713.212	3.013.713.212
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	-	-	885.987.022	885.987.022
Giảm khác	-	2.832.701	-	-	-	2.832.701
Số dư tại 31/12/2014	12.773.765.767	289.485.324	-	448.050.442	-	13.511.301.533
Số dư tại 01/01/2015	12.773.765.767	289.485.324	-	448.050.442	-	13.511.301.533
Tăng trong năm	5.915.919.282	-	6.064.476.938	-	2.089.780.983	14.070.177.203
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.089.780.983	2.089.780.983
Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản (*)	-	-	6.064.476.938	-	-	6.064.476.938
Điều chỉnh tăng theo TT 106/2008-BTC	5.915.919.282	-	-	-	-	5.915.919.282
Giảm trong năm	1.801.085.049	289.485.324	6.064.476.938	448.050.442	2.089.780.983	10.692.878.736
Xử lý tài chính trước khi cổ phần hóa	-	289.485.324	-	448.050.442	-	737.535.766
Bàn giao tài sản nhóm 2 về Tổng Công ty	1.790.033.532	-	-	-	-	1.790.033.532
Phân phối lợi nhuận năm 2015 (**)	-	-	-	-	2.089.780.983	2.089.780.983
Điều chỉnh giảm theo TT 106/2008-BTC	-	-	6.064.476.938	-	-	6.064.476.938
Giảm khác	11.051.517	-	-	-	-	11.051.517
Số dư tại 14/01/2016	16.888.600.000	-	-	-	-	16.888.600.000

(*) Căn cứ theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014 tại Biểu Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp thì chênh lệch đánh giá lại tài sản là 6.182.240.872 đồng (6.944.717.294 đồng - 762.476.422 đồng). Tuy nhiên, thực hiện điều chỉnh các bút toán theo hướng dẫn của TT 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 thì chỉ tiêu chênh lệch đánh giá lại tài sản là 6.064.476.938 đồng, chênh lệch giá trị là 117.763.934 đồng nguyên do khi định giá Đơn vị tư vấn đã trừ giá trị còn lại ra khỏi Bảng Cân đối kế toán phần tài sản được đầu tư bằng quỹ khen thưởng phúc lợi. Số liệu này sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào Chủ sở hữu.

(**) Công ty đã tạm thực hiện phân phối toàn bộ Lợi nhuận sau thuế năm 2015 cho Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ viên chức điều hành nhưng chưa có sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Việc phân phối này có thể sẽ thay đổi sau khi có sự phê duyệt của Chủ sở hữu

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	69.343.185.454	64.274.621.998
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.097.108.605	22.479.346.253
Doanh thu cung cấp hoạt động khác	950.048.970	404.947.812
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	105.813.558
- Hàng bán bị trả lại	-	105.813.558
Cộng	78.390.343.029	87.053.102.505

5.14 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	57.008.568.964	54.040.538.297
Giá vốn hoạt động xây lắp	7.889.246.565	20.625.031.172
Giá vốn cung cấp hoạt động khác	872.958.231	577.749.529
Cộng	65.770.773.760	75.243.318.998

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	441.172.889	531.284.686
Cộng	441.172.889	531.284.686

5.16 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	12.527.778	2.750.000
Cộng	12.527.778	2.750.000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.853.510.277	4.367.208.102
Chi phí vật liệu quản lý	558.697.454	385.322.932
Chi phí đồ dùng văn phòng	175.762.272	156.502.924
Chi phí khấu hao TSCĐ	360.563.344	200.387.648
Thuế phí và lệ phí	16.797.000	55.060.808
Chi phí dự phòng	-	(112.946.610)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.140.479	554.879.084
Chi phí bằng tiền khác	3.977.506.369	2.894.949.219
Cộng	10.476.977.195	8.501.364.107

5.18 Thu nhập/Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	30.290.909	61.600.000
Các khoản khác	1.371.697.267	2.607.676.698
- Thu từ thanh lý vật tư thu hồi	1.035.482.647	2.387.072.256
- Thu nhập từ bảo hành công trình	-	61.000.000
- Thu từ khám chữa bệnh	14.901.131	61.656.550
- Thu nhập khác	321.313.489	97.947.892
Cộng	1.401.988.176	2.669.276.698
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	1.287.745.117	2.583.544.753
- Chi phí thanh lý vật tư thu hồi	1.035.482.647	2.188.527.000
- Chi phí khám chữa bệnh	14.901.131	61.656.550
- Giá trị dự án đầu tư XD CB bị hủy	196.000.000	202.661.264
- Chi phí khác	41.361.339	130.699.939
Cộng	1.287.745.117	2.583.544.753
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	114.243.059	85.731.945

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.685.480.244	3.922.686.031
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>22.243.670</i>	<i>209.008.604</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>22.243.670</i>	<i>209.008.604</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.707.723.914	4.131.694.635
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	-	-
Thu nhập tính thuế	2.707.723.914	4.131.694.635
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Thuế TNDN hiện hành	595.699.261	908.972.819

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.762.006.759	24.715.517.983
Chi phí nhân công	43.224.502.670	41.964.933.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.464.970.030	2.513.213.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.068.280.958	1.827.593.870
Chi phí khác bằng tiền	7.955.319.382	8.008.178.436
Cộng	85.475.079.799	79.029.436.540

CÔNG TY TNHH MỸ QUAN LÝ ĐUONG SAI THUAN HAI
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

A. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016	Năm 2014
			VND	VND
Giao dịch mua				
Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh - Nghệ An	Cùng Tổng Công ty	Tà vẹt gỗ + Phụ kiện ĐS Thiết bị công cụ thi công	5.487.034.697	4.871.681.850
Công ty CP VLXD Đường sắt Phía Nam	Cùng Tổng Công ty	Bù trừ công nợ	-	36.080.000
Công ty TNHH Vận tải ĐS Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty	Mua đá	1.134.848.000	1.859.266.210
Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	Cùng Tổng Công ty	Tiền vận chuyển đá	931.156.400	1.041.656.000
		Máy chèn	770.184.000	789.161.500
Công ty Cổ phần Công trình 6 - Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	Bù trừ công nợ	-	246.813.000
		Tà vẹt bê tông	2.295.959.600	526.734.000
Công ty CP Tổng Công ty Công trình ĐS	Cùng Tổng Công ty	Bù trừ công nợ	2.109.640.400	4.254.913.764
		Mua ray + tà vẹt bê tông	16.697.749.376	3.906.913.764
		Bù trừ công nợ	585.253.000	2.742.357.984
		Bù trừ công nợ cho TCT ĐSVN	15.284.348.376	-
Phân Ban quản lý CSHT ĐS khu vực 3	Cùng Tổng Công ty	Tư vấn giám sát	-	108.818.000
Xí nghiệp Vận dụng toa xe hàng Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty	Sửa chữa	-	137.481.577
Công ty DVDL Công đoàn Đường sắt VN	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ	567.402.000	-
Công ty TNHH MTV QLĐS Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ	-	8.711.395
Công ty TNHH MTV QLĐS Thanh Hóa	Cùng Tổng Công ty	Máy sàng đá	3.035.454.000	-
Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Hải	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ kiểm tra	31.296.397	-
Cộng			48.930.326.246	20.530.589.044

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Bảo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

A. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016	Năm 2014
			VND	VND
<u>Giao dịch bán</u>				
Ban quản lý Cơ sở Hạ tầng Đường sắt	Cùng Tổng Công ty	Công trình	80.699.706.466	85.144.183.878
		Lãi vay	121.389.804	-
Công ty Cổ phần Công trình 6 - Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	Công trình + Dịch vụ	1.126.462.000	4.950.131.000
		Bù trừ công nợ	2.109.640.400	3.906.913.764
Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	Cùng Tổng Công ty	Công trình	-	5.066.254.000
		Bù trừ công nợ	-	526.734.000
Công ty TNHH MTV QLĐS Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty	Dịch vụ	-	32.474.706
Công ty CP Tổng Công ty Công trình ĐS	Cùng Tổng Công ty	Công trình	974.253.000	-
		Bù trừ công nợ	585.253.000	-
Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh - Nghệ An	Cùng Tổng Công ty	Vật tư thu hồi	-	2.553.266.210
		Bù trừ công nợ	-	1.859.266.210
Cộng			85.616.704.670	104.039.223.768
<u>Giao dịch khác</u>				
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Chủ sở hữu	Trích nộp kinh phí	1.374.002.511	1.525.374.451
		Bồi thường sự cố tàu	4.000.000	700.000
		Lợi nhuận nộp lại	-	885.987.022
		Nợ vốn quản lý máy Pháp	-	1.649.938.925
		Chênh lệch vốn điều lệ	737.535.766	-
		Bù trừ công nợ	15.284.348.376	-
Cộng			17.399.886.653	4.062.000.398

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUAN HAI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

A. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	14/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh - Nghệ An	Phải trả người bán		1.060.060.228	348.495.640
Công ty CP VLXD Đường sắt Phía Nam	Phải trả người bán		91.232.000	-
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường	Phải trả người bán		1.444.296.000	2.220.897.784
Công ty TNHH MTV QLĐS Thanh Hóa	Phải trả người bán		2.035.454.000	-
Công ty Vật tư thiết bị đường sắt	Phải trả người bán		6.263.033	6.263.033
Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	Phải trả người bán		633.492.000	-
Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	Người mua trả tiền trước		-	136.692.000
Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Hải	Phải trả người bán		-	-
Công ty TNHH MTV QLĐS Sài Gòn	Phải trả khác	Tiền thuê đất	70.872.961	70.872.961
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Nộp lợi nhuận về cấp trên	4.310.457.901	5.892.901.866
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Chênh lệch vốn điều lệ	737.535.766	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Tiền ray Áo	14.632.955.476	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Khấu hao máy Pháp	1.649.938.925	599.354.402
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Lãi vay dự án	52.569.431	78.433.193
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Nợ quản lý máy pháp	-	11.369.973.340
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Vật tư thu hồi	-	1.251.150.873
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Phải trả khác	Tiền bán cổ phần	2.948.007.196	-
Cộng			26.725.127.721	21.975.035.092

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 14/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	14/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.959.385.424	5.274.128.047
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.765.559.402	21.321.358.288
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	200.000.000
Tổng	22.724.944.826	26.795.486.335
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.400.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	32.813.522.288	24.205.064.082
Cộng	38.213.522.288	24.205.064.082

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 14/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	18.180.566.812	14.632.955.476	32.813.522.288
Các khoản vay	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Cộng	23.580.566.812	14.632.955.476	38.213.522.288
Tại 01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	12.835.090.742	11.369.973.340	24.205.064.082
Cộng	12.835.090.742	11.369.973.340	24.205.064.082

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 14/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.959.385.424	-	12.959.385.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.738.059.402	27.500.000	9.765.559.402
Cộng	22.697.444.826	27.500.000	22.724.944.826
Tại 01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.274.128.047	-	5.274.128.047
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.293.858.288	27.500.000	21.321.358.288
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	26.567.986.335	227.500.000	26.795.486.335

CỔ ĐƠN VỊ

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 02 năm 2015 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần và có đoạn nhấn mạnh về tài sản cố định vô hình và phân phối Lợi nhuận năm 2013 và năm 2014.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2015 Theo Thông tư 200 VND	Tại ngày 01/01/2015 Theo Quyết Định 15 VND	Chênh lệch (VND)
----------	-------	---	--	---------------------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

A. Phần Tài sản	121	229.733.120	229.733.120	-
Phải thu khác ngắn hạn	121	229.733.120	76.536.585	(153.196.535)
Tài sản ngắn hạn khác	129	-	153.196.535	153.196.535
Phải thu dài hạn khác	135	27.500.000	-	-

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hữu Tường

Nguyễn Công Đông